

Bản án số: **356** /2017/HSPT

Ngày: 11-12-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Ngô Tấn Lợi**.

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thành Tôn**

Ông **Phạm Ngọc Giao**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:

Ông **Nguyễn Tấn Nghĩa** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:

Ông **Đỗ Thành Sơn** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16/11/2017, ngày 05/12/2017 và ngày 11/12/2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 272/2017/HSPT ngày 02 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thái L.

Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thái L đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2017/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố S.

Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Thái L, sinh năm 1979;

Nơi sinh: thị xã H, tỉnh Đồng Tháp;

Nơi cư trú: Số 14xx, đường T, Khóm 2, phường A, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp;

Chỗ ở: Số 4x, đường T1, Phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Nghề nghiệp: Nguyên giám đốc Chi nhánh Cty TNHH Xây dựng - Cơ khí - Thương mại Trần T;

Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1958 và bà Trương Ngọc R, sinh năm 1954;

Vợ: Nguyễn Thị Huỳnh L1, sinh năm 1979; Con: 01 người Nguyễn Ngọc Thiên K, sinh năm 2008;

Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giữ: Ngày 10/9/2012; Tạm giam: Ngày 13/9/2012 đến ngày 01/7/2013 thì được tại ngoại; Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án Nguyên đơn dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 17/6/2008 Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) S ban hành Quyết định số 168/QĐ.UBND - XDCB phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật để xây dựng công trình đường Tân Lập, tọa lạc tại xã T4, thành phố S. Tổng mức vốn đầu tư là 1.683.095.000 đồng, từ nguồn vốn cấp phát ngân sách thành phố giao cho Ủy ban nhân dân (UBND) xã T4 làm chủ đầu tư, công trình được tổ chức đấu thầu rộng rãi. Liên doanh Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) Xây dựng - Cơ khí - Thương mại T, do ông Trần Thanh L2 làm giám đốc và Doanh nghiệp tư nhân Lê M III, do ông Nguyễn Văn M làm giám đốc tham gia đấu thầu.

Ngày 07/8/2008 ông Trần Thanh L2 và ông Nguyễn Văn M ký ủy quyền cho ông Nguyễn Trung C làm giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng - Cơ khí - Thương mại Trần T để ông C tham gia đấu thầu gói thầu công trình đường Tân Lập. Ngày 08/8/2008 qua đấu thầu Liên doanh Công ty TNHH Xây dựng - Cơ khí - Thương mại Trần T và Doanh nghiệp tư nhân Lê M III trúng thầu với trị giá 1.362.799.000 đồng.

Ngày 29/8/2008, ông C làm thủ tục chuyển tên cho Nguyễn Thái L (con rể ông C) làm giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng - Cơ khí - Thương mại Trần T.

Ngày 01/9/2008 Nguyễn Thái L ký hợp đồng số 12/2008/HĐ - XD với UBND xã T4 để thi công đường Tân Lập, thời hạn hoàn thành là 120 ngày làm việc, kể từ sau 03 ngày khi có lệnh khởi công. Ngày 03/9/2008 L cho khởi công xây dựng đường Tân Lập.

Đến ngày 18/9/2008 UBND xã T4 đề nghị Kho bạc thành phố S chuyển cho Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng - Cơ khí - Thương mại Trần T 50% giá trị hợp đồng với số tiền 681.399.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản tại Chi nhánh Ngân hàng Công thương tỉnh Đồng Tháp.

Sau khi khởi công, L tiến hành thi công được một số hạng mục thì đến ngày 12/6/2009 L chỉ đạo cho Nguyễn Thị Thùy L3 (em vợ L), phó Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng - Cơ khí - Thương mại Trần T ký hợp đồng giao nhận thi công (bán thầu) cho ông Trần Văn K1 - Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (DNTN) Xây dựng Thái H1 tiếp tục thi công công trình đường Tân Lập cho đến khi hoàn thành, với giá trị hợp đồng là 645.618.000 đồng. Thời gian khởi công bắt đầu từ ngày 15/6/2009 đến 15/7/2009. Căn cứ theo hợp đồng ông K tiến hành thi công và đã hoàn thành các phần việc lắp đặt cống, đắp đê bao đường, lu ban mặt đường, trị giá ước tính khoảng 70.000.000 đồng nhưng L không thanh toán chi phí cho ông K, nên đến khoảng tháng 9/2009 ông K ngưng thi công công trình.

Đến ngày 31/12/2009 trị giá các hạng mục công trình chỉ mới hoàn thành khoảng 50%, (do công trình thuộc nhóm C, theo quy định chỉ được ghi vốn đầu tư trong thời hạn 02 năm, nếu không hoàn thành sẽ bị cắt vốn). Với mục đích giữ lại vốn đầu tư nên ông Đặng Thành T5 - Chủ tịch UBND xã T4 cùng với Võ Thanh T6 - Phó giám đốc Ban quản lý dự án xây dựng, Nguyễn Thành Đ, Phan Huy C1 giám sát công trình, Lê Quang N cán bộ giao thông - thủy lợi xã T4 và Phạm Hữu N - Giám đốc Công ty TNHH tư vấn P (đơn vị tư vấn thiết kế) đã ký nghiệm thu không là công trình đã hoàn thành xong để giải ngân 50% giá trị còn lại của hợp đồng với số tiền là 643.523.000 đồng. Ông T5 thỏa thuận với L mở tài khoản mới tại Phòng

giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố S để chuyển vào tài khoản này nhằm mục đích quản lý số tiền nêu trên. Đồng thời, ngày 20/01/2010 ông T5 ban hành Công văn số 07/CV-UBND thoả thuận với bà Đặng Thị Xuân T7 - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố S, chỉ cho L rút tiền khi có văn bản đồng ý của ông T5.

Sau khi cùng với chủ đầu tư nghiệm thu không công trình, theo đề nghị tạm ứng của L vào các ngày 02/02/2010, 10/02/2010, 19/3/2010 ông Đặng Thành T5 đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố S tiếp tục cho L tạm ứng 03 lần, với tổng số tiền 273.450.000 đồng. Cụ thể, chuyển khoản trả tiền vật tư cho DNTN Huỳnh Tấn B 160.750.000 đồng, trả tiền công nhân cho anh Đoàn Ngọc N2 40.000.000 đồng, L rút 72.700.000 đồng. Sau đó, L không tiếp tục thi công công trình mà bỏ trốn.

Đến ngày 20/7/2011, Chánh Thanh tra thành phố S ban hành Quyết định số 04/QĐ - TTr về việc: *“Thanh tra công tác quản lý, điều hành ngân sách và các nguồn kinh phí khác tại UBND xã T4, thành phố S”* phát hiện sai phạm tại công trình đường Tân Lập. Do đó, Thanh tra thành phố S đã tạm giữ tại Ngân hàng Chính sách xã hội - Phòng giao dịch thành phố S số tiền 407.070.706 đồng và chuyển toàn bộ tài liệu, hồ sơ Thanh tra đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S để xem xét giải quyết. Qua điều tra, xác minh ngày 12/4/2012 Cơ quan điều tra Công an thành phố S đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với L, nhưng L đã bỏ trốn nên bị truy nã. Ngày 10/9/2012 L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Tháp đầu thú. Để khắc phục hậu quả đường Tân Lập, ngày 24/10/2012, chủ đầu tư UBND xã T4 đã ký hợp đồng xây dựng công trình số 15/2012/HĐXD với DNTN Xây dựng Thái H1, do ông Trần Văn K làm giám đốc, trị giá 770.000.000 đồng và giao cho ông K tiếp tục thi công. Đến nay thì công trình đường Tân Lập đã hoàn thành xong và đưa vào sử dụng.

Tại Kết luận giám định ngày 21/8/2014 của Sở xây dựng tỉnh Đồng Tháp về việc giám định khối lượng và giá trị công trình đường Tân Lập thi công dở dang, kết luận như sau:

“- Giá trị hợp đồng: 1.362.799.000 đồng.

- Giá trị đã thi công: 664.329.000 đồng.
- Giá trị chưa thi công: 698.470.000 đồng”.

Tại Kết luận giám định ngày 22/8/2014 của Sở xây dựng tỉnh Đồng Tháp về việc giám định bổ sung khối lượng, giá trị thi công thừa và lý do không tính giá trị này thuộc công trình đường Tân Lập thi công dở dang, kết luận như sau:

- Lốp đá 0x4: $0,4321\text{m}^3 = 14.784.363$ đồng.
- Đất đắp 02 bên lề đường: $4,59\text{m}^3 = 2.223.525$ đồng.
- Lốp đá 4x6: $116,4\text{m}^3 = 23.815.440$ đồng.

Tại Công văn số 101/TTKĐ ngày 03/9/2015 của Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng thuộc Sở xây dựng Đồng Tháp kiểm định, xác định:

- Giá trị chi phí đào 459 m^3 là $459/100\text{m}^3 \times 944.039$ đồng = 4.333.139 đồng (944.039 đồng lấy theo đơn giá trúng thầu).
- Chi phí phần ống cống ngang đường (làm cống lần thứ 1) đã xây dựng sai với thiết kế có giá trị là 27.018.000 đồng.

Trên cơ sở công văn số 130/CV - HN ngày 07/7/2015 của Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng Hưng Nghiệp, TP. Hồ Chí Minh đã tính toán và dự báo độ lún của đường tại khu vực ấp T3, xã T4, thành phố S giai đoạn 1, trong thời hạn 05 năm sau khi khai thác đưa vào sử dụng là 10cm. Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất thành phố S có Công văn số 351/BQLA&PTQĐ ngày 09/3/2017 đã tính toán khối lượng đắp bù cát nền đường công trình đường Tân Lập do độ lún của đất nền là $490,420\text{m}^3$ cát. Giá trị cát trúng thầu $57.067\text{đồng}/\text{m}^3 \times 490,420 = 27.987.000$ đồng.

Ngoài ra, UBND xã T4 có xem xét bù giá nhân công, vật tư cho L 19.460.000 đồng nhưng chỉ làm thủ tục quyết toán L chưa có nhận; chi phí phát sinh do 04 hộ dân không chịu di dời L phải đào và đắp đất hai đầu để bơm cát thi công tiếp những đoạn còn lại, trị giá 7.432.129 đồng; trước khi tạm ứng số tiền 50% giá trị hợp đồng L có nộp lại cho UBND xã T4 tiền bảo lãnh hợp đồng 03% là 40.884.000 đồng được phía đại diện chủ đầu tư trước đây là ông Lê Việt D, giám sát công trình Nguyễn Thành Đ, Phan Huy C1 và ông Trần Văn K xác nhận.

Trong quá trình thi công bị cáo L đã có đồ đá 4x6 trên đường nhưng chưa thi công và số đá này không đảm bảo chất lượng theo thiết kế trị giá là 26.000.000đồng

Như vậy, L đã tạm ứng số tiền tổng cộng 954.849.000 đồng nhưng chỉ thực hiện được 858.266.596 đồng, còn lại 96.582.404 đồng L không tiếp tục thi công mà bỏ trốn. Trong quá trình thực hiện L thi công một số hạng mục thừa, sai không đúng hồ sơ thiết kế gây lãng phí, thất thoát (40.823.328đ + 4.333.139đ + 26.000.000đ + 27.018.000đ) là 98.174.467 đồng.

Quá trình điều tra ông Đặng Thành T5 tự nguyện nộp 100.000.000 đồng, Võ Thanh T6 nộp 50.000.000 đồng, Nguyễn Thành Đ nộp 50.000.000 đồng, Lê Quang N nộp 50.000.000 đồng và chị Nguyễn Thị V nộp 12.000.000 đồng cho UBND xã T4. Tổng cộng là 262.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi nghiệm thu không công trình. Nay, ông T5, T6, N, Đ và chị V không yêu cầu gì đối với số tiền trên.

Bà Trương Thị R (mẹ L) nộp 110.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Huỳnh L1 (vợ L) nộp 10.000.000 đồng. Tổng cộng là 120.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho Lập.

Ông Đặng Thành T5 trình bày: Khi thực hiện thủ tục nghiệm thu không công trình nhằm giữ vốn ngân sách Nhà nước có điện thoại cho ông Nguyễn Văn H2 - nguyên Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố S hướng dẫn. Tuy nhiên, qua làm việc ông H2 không thừa nhận đã hướng dẫn cho ông T5 nghiệm thu không để giải ngân nguồn vốn.

Ông Trần Thanh L2 - Giám đốc Công ty TNHH Trần T trình bày: Do có quen biết với L, khi biết L muốn thành lập Công ty để kinh doanh nhưng vì không đủ năng lực và vốn nên nhờ ông L2 giúp thành lập Chi nhánh Công ty Trần T để L hoạt động thì được ông L2 đồng ý. Ông L2 làm thủ tục thành lập Chi nhánh Công ty tại thành phố C và cho L mượn 50.000.000 đồng nhưng để cho ông Nguyễn Trung C1 (cha vợ L) đứng tên tự kinh doanh, tự chịu trách nhiệm, tự định đoạt doanh thu có được từ việc kinh doanh. Sau khi thành lập xong, L có tham khảo ý kiến của ông L2 về việc tham gia dự thầu xây dựng đường Tân Lập, vì công trình

nhỏ tin tưởng L có năng lực nên ông L2 ký giấy uỷ quyền cho đầy đủ thủ tục luật định để L tham gia đấu thầu. Còn việc L2 liên doanh với DNTN Lê M III trong đấu thầu xây dựng đường Tân Lập, ông L2 hoàn toàn không biết. Ông L2 không đồng ý liên đới chịu trách nhiệm dân sự do L gây ra.

Ông Nguyễn Văn M - Giám đốc DNTN Lê M III trình bày: Do có quen biết với ông Nguyễn Văn T - Giám đốc Công ty TNHH T, địa chỉ số 2xx, ấp 1 thị trấn S, huyện T8, tỉnh Đồng Tháp giới thiệu, nhờ ký liên doanh và uỷ quyền cho Công ty của L để đủ điều kiện tham gia đấu thầu, thi công đường Tân Lập, trên thực tế Doanh nghiệp của ông không có tham gia đấu thầu thi công đường Tân Lập. Nay, L chiếm đoạt tài sản gây thất thoát ngân sách Nhà nước ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Lâm Khắc V (đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND thành phố S) yêu cầu L hoàn trả lại số tiền chiếm đoạt và tiền những hạng mục L thi công thừa, sai với hồ sơ thiết kế dẫn đến thất thoát ngân sách Nhà nước.

Đối với việc Nguyễn Thái L có ký hợp đồng bán thầu thi công đường Tân Lập cho DNTN Xây dựng Thái H1, ông K đã thi công còn lại số tiền 40.000.000 đồng L chưa thanh toán. Nay, ông K yêu cầu L trả cho ông số tiền 40.000.000 đồng. Đối với số tiền 770.000.000 đồng ông K bỏ ra để thi công công trình đường Tân Lập, hiện nay UBND xã T4, thành phố S đã thanh toán cho ông K số tiền (407.070.076 + 262.000.000 đồng) 669.070.076 đồng, còn lại 100.929.924 đồng ông Kịch yêu cầu UBND xã T4 tiếp tục thanh toán cho ông theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2017/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2017, Toà án nhân dân thành phố S đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thái L phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 140, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thái L mức án 09 tháng 21 ngày tù (chín tháng hai mươi một ngày tù). Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2012 đến ngày 01/7/2013 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù bằng thời gian tạm giữ, tạm giam).

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự và các Điều 274, 275, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Thái L bồi thường cho UBND thành phố S gồm:

- Số tiền bị cáo L chiếm đoạt là 96.582.404 đồng.
- Tiền chi phí bị cáo L thi công thừa, sai với hồ sơ thiết kế dẫn đến thất thoát là 98.174.467 đồng.

Tổng cộng là 194.756.871 đồng (Một trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm bảy mươi một đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017, bị cáo Nguyễn Thái L có đơn kháng cáo với nội dung kêu oan.

* Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát cho rằng án sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thái L phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật hình sự không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Thái L đồng thời giữ nguyên mức hình phạt đối với bị cáo như án sơ thẩm đã tuyên. Riêng đối với trách nhiệm dân sự: Sau khi bị cáo L bỏ trốn, để khắc phục hậu quả đường Tân Lập, ngày 24/10/2012, chủ đầu tư UBND xã T4 đã ký hợp đồng xây dựng công trình số 15/2012/HĐXD với DNTN Xây dựng Thái H1, do ông Trần Văn K làm giám đốc, trị giá 770.000.000 đồng và giao cho ông K tiếp tục thi công xong và đưa vào sử dụng. Số tiền đã thanh toán cho ông K là 669.070.076 đồng (gồm tiền giữ tại Ngân hàng chính sách xã hội chưa chi cho bị cáo L là 407.070.076 và tiền ông T4, T5, N, Đ và chị V nộp khắc phục hậu quả là 262.000.000 đồng), còn lại 100.929.924 đồng ông K yêu cầu tiếp tục thanh toán. Trong vụ án này các ông T5, T6, N, Đ và chị V cho rằng việc nộp số tiền 262.000.000 đồng là do thấy hành vi sai trái của mình trong việc lập hồ sơ không quyết toán công trình đường Tân Lập, nên tự nguyện nộp để góp phần hoàn

thành công trình đồng thời không có yêu cầu bị cáo L hoàn trả. Như vậy nghĩa vụ dân sự còn lại được xác định là 100.929.924 đồng, trừ vào số tiền gia đình bị cáo L nộp khắc phục hậu quả thay cho bị cáo L là 120.000.000đ thì còn thừa lại 19.070.076 đồng, theo đó giao số tiền 100.929.924 đồng cho UBND thành phố S để trả cho ông Trần Văn K, bị cáo L không phải bồi thường thêm cho UBND thành phố S mà được hoàn trả lại số tiền 19.070.076 đồng, đồng thời bị cáo L cũng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do đã thực hiện xong. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự sửa phần trách nhiệm dân sự và án phí dân sự của bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thái L trình bày nội dung kháng cáo và lời bào chữa cho mình như sau: Bị cáo không chiếm đoạt tiền tạm ứng trong quá trình thi công công trình đường Tân Lập và bị cáo không có bỏ trốn; Bị cáo không có động cơ chiếm đoạt, số tiền bị cáo bỏ ra thi công nhiều hơn số tiền bị cáo đã nhận tạm ứng từ chủ đầu tư, do chủ đầu tư vi phạm hợp đồng không giải phóng mặt bằng trước khi thi công đã gây chậm trễ thất thoát chi phí cho bị cáo. Ngoài ra bị cáo cho rằng không có nhận trực tiếp số tiền đã tạm ứng ba lần là 273.450.000đ, số tiền này được sử dụng hợp pháp, nên không gộp vào tổng số tiền để truy cứu trách nhiệm hình sự; Nhân viên giám định trong vụ án không đủ năng lực làm sai lệch hồ sơ vụ án; Các tính toán theo kết luận giám định không chính xác gây thiệt hại cho bị cáo. Tuy nhiên, trong phần tranh luận bị cáo L thống nhất với mức án mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo cũng như về trách nhiệm dân sự theo như quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa, ngoài ra bị cáo còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn trả cho bị cáo thêm số tiền bị cáo được quyền nhận đối với tiền chi phí tổn kém do Chủ đầu tư chậm giải phóng mặt bằng là 19.460.000 đồng và tiền bảo lãnh hợp đồng 03% mà bị cáo L đã nộp cho Chủ đầu tư là 40.884.000 đồng và hoàn trả số tiền thừa khi gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả là 19.070.076 đồng, tổng cộng là 79.414.076 đồng.

* Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự UBND thành phố S ông Lâm Khắc V (được ủy quyền từ ông Võ Thanh T) yêu cầu Hội đồng xét xử buộc bị cáo L phải bồi thường thiệt hại cho UBND thành phố S gồm: Số tiền bị cáo L chiếm đoạt là 96.582.404 đồng và tiền chi phí bị cáo L thi công thừa, sai với hồ sơ thiết kế dẫn đến thất thoát là 98.174.467 đồng, tổng cộng là 194.756.871 đồng như theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Tuy nhiên trong phần tranh luận ông V thống nhất

quan điểm đại diện Viện kiểm sát, xác định số tiền còn lại bị cáo L phải bồi thường cho UBND thành phố S tương ứng với số tiền phải trả cho ông K là 100.929.924 đồng, còn lại số tiền 93.826.947 đồng (194.756.871 đồng - 100.929.924 đồng) yêu cầu Tòa án xử lý theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu buộc bị cáo L phải có trách nhiệm xuất hóa đơn để quyết toán số tiền bị cáo đã tạm ứng thi công công trình đường Tân Lập, anh V thống nhất sẽ tách ra giải quyết bằng vụ án khác theo như bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Ngày 01/9/2008 bị cáo Nguyễn Thái L đại diện Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng – Cơ khí – Thương mại Trần T ký hợp đồng số 12/2008/HĐ – XD với UBND xã T4 để thi công công trình đường Tân Lập. Ngày 03/9/2008 bị cáo L cho khởi công xây dựng đường Tân Lập, đến ngày 18/9/2008 UBND xã T4 đề nghị Kho bạc thành phố S chuyển khoản cho Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng – Cơ khí – Thương mại Trần T 50% giá trị hợp đồng với số tiền 681.399.000 đồng. Sau khi thi công được một số hạng mục thì đến ngày 12/6/2009 bị cáo L chỉ đạo cho Nguyễn Thị Thùy L3 (em vợ L), phó Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Xây dựng – Cơ khí – Thương mại Trần T ký hợp đồng giao nhận thi công (bán thầu) cho ông Trần Văn K – Giám đốc DNTN Xây dựng Thái H1 tiếp tục thi công công trình đường Tân Lập cho đến khi hoàn thành, với giá trị hợp đồng là 645.618.000 đồng, thời gian khởi công bắt đầu từ ngày 15/6/2009 đến ngày 15/7/2009. Căn cứ theo hợp đồng ông K tiến hành thi công và đã hoàn thành các phần việc lắp đặt cống, đắp đê bao đường, lu ban mặt đường nhưng do bị cáo L không thanh toán chi phí cho ông K theo thỏa thuận, nên đến khoảng tháng 9/2009 ông K ngưng thi công công trình.

Đến ngày 31/12/2009 trị giá các hạng mục công trình chỉ mới hoàn thành khoảng 50%, (do công trình thuộc nhóm C, theo quy định chỉ được ghi vốn đầu tư trong thời hạn 02 năm, nếu không hoàn thành sẽ bị cắt vốn). Với mục đích giữ lại vốn đầu tư nên ông Đặng Thành T5 – Chủ tịch UBND xã T4 cùng với Võ Thanh

T6 – Phó giám đốc Ban quản lý dự án xây dựng, Nguyễn Thành Đ, Phan Huy C1 giám sát công trình, Lê Quang N cán bộ giao thông – thủy lợi xã T4 và Phạm Hữu N1 – Giám đốc Công ty TNHH tư vấn Phương Nam (đơn vị tư vấn thiết kế) đã ký nghiệm thu không là công trình đã hoàn thành xong để giải ngân 50% giá trị còn lại của hợp đồng với số tiền là 643.523.000 đồng. Ông T5 thỏa thuận với bị cáo L mở tài khoản mới tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thành phố S để chuyển vào tài khoản này nhằm mục đích quản lý số tiền nêu trên. Sau khi cùng với chủ đầu tư nghiệm thu không công trình, theo đề nghị tạm ứng của bị cáo L vào các ngày 02/02/2010, ngày 10/02/2010 và ngày 19/3/2010 ông T đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố S tiếp tục cho L tạm ứng 03 lần, với tổng số tiền 273.450.000 đồng. Sau đó, bị cáo L không tiếp tục thi công công trình đến hoàn thành mà bỏ trốn. Để khắc phục hậu quả đường Tân Lập, ngày 24/10/2012, chủ đầu tư UBND xã T4 đã ký hợp đồng xây dựng công trình số 15/2012/HĐXD với DNTN Xây dựng Thái H1, do ông Trần Văn K làm giám đốc, trị giá 770.000.000 đồng và giao cho ông K tiếp tục thi công, công trình được thi công đến hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Xét thấy việc bị cáo L cho rằng không chiếm đoạt tiền tạm ứng trong quá trình thi công công trình đường Tân Lập và bị cáo không có bỏ trốn là không có cơ sở, bởi vì căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ theo hồ sơ vụ án, lời khai đương sự, người làm chứng và chứng cứ tại phiên tòa có đủ cơ sở chứng minh trong quá trình thi công công trình đường Tân Lập bị cáo đã tạm ứng 04 lần với tổng số tiền là 954.849.000 đồng, việc tạm ứng của bị cáo đều có chứng từ chi xuất, chuyển khoản đầy đủ và theo đúng quy định (trong đó có số tiền 273.450.000 đồng) nhưng bị cáo chỉ chi thực tế vào công trình là 858.266.596 đồng, còn lại 96.582.404 đồng bị cáo không tiếp tục thi công mà bỏ trốn nhằm chiếm đoạt số tiền này.

Việc bị cáo L cho rằng số tiền bị cáo tạm ứng đã thi công hết cho công trình, xét thấy lời trình bày này của bị cáo là không có cơ sở, vì giá trị công trình thi công đúng thiết kế và giá trị thi công thừa, sai thiết kế gây thiệt hại được xác định theo kết quả giám định và tài liệu, chứng cứ hợp pháp theo hồ sơ vụ án đủ cơ sở pháp lý xác định là 858.266.596 đồng ngoài ra không còn các khoản chi phí khác, số tiền này chưa đủ số tiền bị cáo đã tạm ứng; Việc bị cáo cho rằng nhân viên giám định

trong vụ án không đủ năng lực làm sai lệch hồ sơ vụ án và các tính toán theo kết luận giám định không chính xác gây thiệt hại cho bị cáo, xét thấy trình bày bị cáo là không có cơ sở vì kết quả giám định và người giám định được thực hiện theo đúng trình tự tố tụng hình sự đảm bảo khách quan, toàn diện, đúng pháp luật; Đối với việc bị cáo cho rằng sau khi cùng chủ đầu tư nghiệm thu không công trình không có bỏ trốn mà nhận liên doanh với 07 Công ty xây dựng để thi công các công trình khác và việc chủ đầu tư vi phạm hợp đồng không giải phóng mặt bằng trước khi thi công gây chậm trễ thất thoát chi phí cho bị cáo, xét thấy trình bày này của bị cáo là không có cơ sở, bởi vì qua điều tra, xác minh xác định bị cáo có ký 03 hợp đồng liên doanh xây dựng, nhưng kể từ khi ký hợp đồng bị cáo không có đến trụ sở các công ty nêu trên để hợp tác kinh doanh, còn lại địa chỉ của 04 hợp đồng mà bị cáo đã ký kết thực tế không có thật theo xác nhận của chính quyền địa phương. Trong quá trình thi công chủ đầu tư đã gia hạn cho phía bị cáo nhiều lần (ba lần), đã thực hiện việc giải phóng mặt bằng xong và đã tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo thi công như cho ứng thêm tiền vượt quá 50% theo quy định nhưng bị cáo lại thi công cầm chừng, trì hoãn, thiếu trách nhiệm đối với công việc phải thực hiện mặc dù đã được chủ đầu tư đôn đốc nhắc nhở sau đó thì bỏ trốn nhằm thoái thác trách nhiệm, chiếm đoạt số tiền đã tạm ứng từ vốn ngân sách nhà nước. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận trình bày của bị cáo.

Từ cơ sở trên cho thấy bị cáo L là người đã thành niên, có trình độ học vấn cao, khả năng nhận thức tốt. Lẽ ra sau khi không đủ khả năng, năng lực để thi công tiếp công trình đường Tân Lập bị cáo phải phối hợp chủ đầu tư, cơ quan hữu quan trong việc giải quyết khó khăn để tiếp tục thi công công trình đến hoàn thành, nhưng do thiếu ý thức về chấp hành pháp luật, bị cáo đã có hành vi lợi dụng sự tín nhiệm của chủ đầu tư, nhận tạm ứng tiền nhiều lần của chủ đầu tư nhưng không thi công hoàn tất công trình mà bỏ trốn, chiếm đoạt số tiền 96.582.404 đồng. Hành vi của bị cáo không chỉ gây thiệt hại đến tài sản của nhà nước (tiền từ ngân sách nhà nước) mà còn xâm phạm đến an ninh trật tự địa phương, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân và gây khó khăn trong việc điều tra, truy tố và xét xử. Rõ ràng bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Cho nên việc đưa bị cáo ra xét xử nghiêm

trước pháp luật là phù hợp nhằm răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời cũng phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Từ cơ sở trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Thái L về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 140 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và có căn cứ theo quy định pháp luật, đồng thời đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên cho bị cáo là hoàn toàn phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tình tiết có lợi cho bị cáo theo tinh thần Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội liên quan quy định có lợi cho người phạm tội trong Bộ luật hình sự năm 2015, về việc bị cáo chiếm đoạt tài sản của Nhà nước được quy định là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì không xem là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo trong vụ án này. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng thống nhất với mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên cho bị cáo đồng thời không có ý kiến tranh luận gì, cho thấy bị cáo cũng đã nhìn nhận về hành vi vi phạm pháp luật của bản thân.

Về trách nhiệm dân sự xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị cáo L có trách nhiệm phải bồi thường cho UBND thành phố S số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 96.582.404 đồng và tiền chi phí bị cáo thi công thừa, sai với hồ sơ thiết kế dẫn đến thất thoát cho ngân sách nhà nước là 98.174.467 đồng, tổng cộng là 194.756.871 đồng là không hợp lý. Bởi vì, sau khi bị cáo L bỏ trốn thì số tiền để khắc phục hậu quả đường Tân Lập là 770.000.000 đồng. Được trừ vào số tiền Ngân hàng chính sách xã hội chưa chi cho bị cáo L là 407.070.076 và số tiền ông T5, T6, N, Đ và chị V nộp khắc phục hậu quả là 262.000.000 đồng thì chỉ còn thiếu 100.929.924 đồng, được xác định đây là số tiền mà bị cáo L có trách nhiệm bồi thường thêm cho UBND thành phố S, vì số tiền bị cáo thi công thừa sai thiết kế gây thiệt hại, thất thoát và số tiền bị cáo chiếm đoạt 194.756.871 đồng nằm trong giá trị hợp đồng đầu tư công trình đường Tân Lập là 1.362.799.000 đồng. Nếu khấu trừ vào số tiền gia đình bị cáo L nộp khắc phục hậu quả 120.000.000 đồng vào nghĩa vụ mà bị cáo phải bồi thường thiệt hại 100.929.924 đồng thì vẫn còn thừa

19.070.076 đồng, xem như bị cáo đã bồi thường xong. Vì vậy cũng không buộc bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Đối với số tiền 262.000.000 đồng do các ông T5, T6, N, Đ và chị V cho rằng nộp do thấy hành vi sai trái của mình trong việc lập hồ sơ khống quyết toán công trình đường Tân Lập, nên tự nguyện nộp để góp phần hoàn thành công trình đồng thời không có yêu cầu bị cáo L hoàn trả, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở và phù hợp với pháp luật, nên được xem xét chấp nhận.

Đối với việc bị cáo L yêu cầu hoàn trả cho bị cáo L thêm số tiền chi phí tổn kém do Chủ đầu tư chậm giải phóng mặt bằng là 19.460.000 đồng và tiền bảo lãnh hợp đồng 03% mà bị cáo L đã nộp cho Chủ đầu tư là 40.884.000 đồng, là không có cơ sở, bởi vì các số tiền này đã được xem xét khấu trừ vào số tiền bị cáo đã nhận tạm ứng 954.849.000 đồng khi xem xét giảm trừ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bị cáo.

Từ cơ sở trên cần giữ nguyên án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo L, tuy nhiên cần sửa án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp.

Do án sơ thẩm bị sửa, nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 248 và điểm d khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thái L về việc kêu oan.

Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

Sửa bản án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự và án phí dân sự sơ thẩm.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thái L phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 140, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thái L mức án 09 tháng 21 ngày tù (*chín tháng hai mươi một ngày tù*). Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2012 đến ngày 01/7/2013 (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù bằng thời gian tạm giữ, tạm giam).

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự và các Điều 274, 275, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Thái L bồi thường cho UBND thành phố S số tiền 100.929.924 đồng (Một trăm triệu chín trăm hai mươi chín nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng).

*** Về vật chứng:** Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự

- Tiếp tục quản lý số tiền 120.000.000 đồng do gia đình bị cáo Lập nộp, để đảm bảo thi hành án cho bị cáo L.

(Hiện Công an thành phố S đang quản lý 100.000.000 đồng, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S đang quản lý 20.000.000 đồng)

Sau khi khấu trừ số tiền tạm giữ vào số tiền bị cáo L có nghĩa vụ bồi thường cho UBND thành phố S như nêu trên và các nghĩa vụ khác của bị cáo theo quyết định của bản án, số tiền còn thừa lại được hoàn trả cho bị cáo.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*** Về án phí:** Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Nguyễn Thái L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Phòng KTNV - THATA tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND thành phố S;
- VKSND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Lưu: HSVA (Nghĩa).

(Đã ký)

Ngô Tấn Lợi